

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG TRỊ**

Bản án số: 18/2022/HNGĐ-ST

Ngày 12/5/2022

V/v “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thu Hà;

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Văn Thảo Nguyên  
2. Ông Nguyễn Ngọc Lương.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Trần Nhật Ánh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa:***  
Bà Đặng Thị Thanh Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 5 năm 2022, tại Hội trường xét xử - Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 17/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2022 về việc “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Nhật T; địa chỉ: Thôn Q, xã Q, huyện L, tỉnh Quảng Trị, có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn S; địa chỉ trước lúc xuất cảnh: Thôn K, xã C, huyện L, tỉnh Quảng Trị. Hiện đang xuất khẩu lao động tại Nhật Bản không xác định được địa chỉ, vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn chị Trần Thị Nhật T trình bày:*

Chị Trần Thị Nhật T và anh Nguyễn Văn S đăng ký kết hôn ngày 23/01/2015 tại UBND xã Cam An, huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn chị T và anh S có một con chung là cháu Nguyễn Hoàng N, sinh ngày 28/6/2015. Sau 02 năm chung sống, tình cảm vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nên vợ chồng đã sống ly thân và chị T bỏ về sống nhà bố mẹ đẻ. Đến tháng 01/2019 chị T biết được thông tin anh S đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản. Từ đó cho đến nay anh S không còn liên lạc, thăm hỏi vợ con. Chị T cho rằng tình

cảm vợ chồng đến nay không còn, hạnh phúc hôn nhân không thể hàn gắn được nên chị T yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn anh S.

Về con chung: Chị T và anh S có 01 con chung là cháu Nguyễn Hoàng N, sinh ngày 28/6/2015, hiện nay chị T đang là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu N. Chị T yêu cầu Tòa án giao cháu N cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn anh Nguyễn Văn S không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của chị T.*

Theo Biên bản xác minh ngày 30/3/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị, bà Phạm Thị G (mẹ của anh Nguyễn Văn S) có ý kiến trình bày: Gia đình không biết địa chỉ cụ thể của anh S ở bên Nhật Bản, gia đình thường xuyên liên lạc với anh S thông qua điện thoại vào ngày cuối tuần. Bà Gái đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án thay cho anh S và cam đoan thông báo lại nội dung các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh S biết. Bà G cho rằng nguyên nhân ly hôn do chị T và anh S đã xảy ra mâu thuẫn, nhưng mâu thuẫn gì thì gia đình không biết. Gia đình nhiều lần khuyên ngăn, nhưng chị T nhất quyết xin ly hôn với anh S. Nguyên vọng gia đình muốn chị T và anh S được hàn gắn để nuôi dạy con cái.

*Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị:*

- Về tố tụng: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự thủ tục theo quy định tại Điều 63; Điều 239, Điều 260 và Điều 51 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được thông báo nội dung các văn bản tố tụng của Tòa án, nhưng không cung cấp địa chỉ cụ thể nơi mình đang làm ăn, sinh sống tại Nhật Bản nên đây là trường hợp cố tình dấu địa chỉ và không thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, 58, 71, 72, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

+ Về hôn nhân: Cho chị Trần Thị Nhật T được ly hôn anh Nguyễn Văn S.

+ Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hoàng N, sinh ngày 28/6/2015 cho chị Trần Thị Nhật T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Anh S không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

+ Về án phí: Chị Trần Thị Nhật T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

***Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:***

***[1] Về tố tụng:***

Chị Trần Thị Nhật T yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn S đang đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản. Trước và sau khi thụ lý vụ án, chị T và gia đình anh S không cung cấp được địa chỉ của anh S tại Nhật Bản, nhưng gia đình anh S thường xuyên liên lạc với anh S qua điện thoại, gia đình anh S đã nhận các văn bản tố tụng của Tòa án thay cho anh S và cam đoan thông báo nội dung của các văn bản tố tụng cho anh S, nhưng anh S không cung cấp địa chỉ, không trực tiếp tham gia tố tụng và không có ý kiến bằng văn bản đối với yêu cầu khởi kiện của chị T nên được coi là trường hợp bị đơn anh S cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết cho việc giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35 và khoản 1 Điều 37 của Bộ luật tố tụng dân sự giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Nguyên đơn chị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn anh S đã được cấp tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ, nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vắng mặt các đương sự.

***[2] Xét yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Nhật T, Hội đồng xét xử thấy:***

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Nhật T và anh Nguyễn Văn S đăng ký kết hôn ngày 23/1/2015 tại UBND xã C, huyện L trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn được 02 năm, vợ chồng vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, chị T bỏ về nhà sống với bố mẹ, còn anh S đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản. Theo văn bản số 327/PA08 (Đ1) ngày 15/3/2022 của Phòng quản lý XNC Công an tỉnh Quảng Trị cung cấp thông tin: Anh S đã được Cục quản lý XNC cấp hộ chiếu để xuất cảnh ngày 03/2/2020. Như vậy, sau khi anh S đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản thì không còn liên lạc với chị T và cháu N. Chị T cho rằng tình cảm vợ chồng không còn do phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn, anh S không còn quan tâm, chăm sóc vợ con. Đến thời điểm này tình cảm vợ chồng chị T và anh S không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T xin được ly hôn với anh S.

[2.2] Về con chung: Chị T và anh S có 01 con chung cháu Nguyễn Hoàng N, sinh ngày 28/6/2015. Hội đồng xét xử thấy việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn là nghĩa vụ của cha và mẹ, nhưng hiện nay anh S đang xuất khẩu lao động tại Nhật Bản, còn chị T là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu N và cháu N có đơn trình bày có nguyện vọng được ở với

chị T. Căn cứ Điều 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình xét thấy cần giao cháu N cho chị T được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp quy định pháp luật.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35 và khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, điểm a, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 238, Điều 469, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án; xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Nhật T được ly hôn anh Nguyễn Văn S.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hoàng N, sinh ngày 28/6/2015 cho chị Trần Thị Nhật T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Văn S không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn Văn S có quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở anh S thực hiện quyền này.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trần Thị Nhật T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0000073 ngày 18 tháng 3 năm 2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị. Chị Trần Thị Nhật T đã nộp đủ án phí.

5. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

#### **Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh;
- Cục THADS tỉnh;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV;
- Tổ HCTP;
- UBND x. Cam An, h. Cam Lộ;
- Lưu: Hồ sơ, VP Tòa.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký)

**Nguyễn Thị Thu Hà**

